

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2023/HS-ST
Ngày: 08-6-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trịnh Ân

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Hoàng Thị Hồng

Ông Nguyễn Văn Bảng

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Thế Thiện – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa:* Ông Trần Ngọc Nam và ông Nguyễn Mạnh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08/6/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 67/2023/HSST ngày 20/4/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2023/QĐXXST-HS ngày 09/5/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2023/HSST-QĐ ngày 22/5/2023 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 12/TB-TA ngày 02/6/2023 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: Phạm Văn T, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Thôn T1, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lái xe; Văn hóa: 9/12; Bố: Phạm Xuân H, sinh năm 1949 (đã chết); Mẹ: Nguyễn Thị B, sinh năm 1954; Gia đình có 2 anh em, bị cáo là thứ nhất; Vợ: Trần Thị N, sinh năm 1985; Con: Có 03 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/01/2023, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang và có mặt tại phiên tòa.

2. Bị hại:

Anh Nguyễn Đức K, sinh năm 1970 (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 17, ngõ 51, phố T, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Duy K1, sinh năm 1992(vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn V, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
2. Chị Trần Thị N, sinh năm 1985(có mặt)
Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng.
3. Anh Dân Quốc Đ, sinh năm 1987(vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.
4. Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1975(vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang.
5. Anh Đào Xuân L, sinh năm 1971(vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn P, xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
6. Chị Đinh Thị H, sinh năm 1977(vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện A, tỉnh Hải Dương.
7. Chị Trương Thị Thanh H, sinh năm 1970(vắng mặt)
Địa chỉ: Số nhà 08, ngách 11, ngõ 71, đường N, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.
8. Chị Nguyễn Thị Bảo L, sinh năm 1989(vắng mặt)
Địa chỉ: Số nhà 08, đường C, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.
9. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1978(vắng mặt)
Địa chỉ: Xóm L1, xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
10. Chị Vũ Thị Kim Q, sinh năm 1977(có mặt)
Địa chỉ: Số nhà 17, ngõ 51, phố T, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 9/2021, Phạm Văn T có hợp đồng làm thuê cho anh Nguyễn Đức K, sinh năm 1970, trú tại phố T, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương tại xưởng sản xuất gạch bê tông của anh K tại bờ đê C, phường T, thành phố B. Tháng 10/2021, anh K mua chiếc xe ô tô tải biển số 15C-160.08, nhãn hiệu TRUONG GIANG tải trọng 9200kg và giao cho T để phục vụ chở gạch đi giao cho khách. Buổi chiều ngày 23/10/2022, T nảy sinh ý định cầm chiếc xe ô tô trên để lấy tiền chi tiêu cá nhân. T gọi điện thoại cho anh Nguyễn Duy K1, sinh năm 1992, trú tại tổ dân phố P, thị trấn V, huyện L, tỉnh Bắc Giang đặt vấn đề cầm cố chiếc xe ô tô thì anh K1 đồng ý. T viết giấy bán xe có nội dung T bán chiếc xe ô tô biển

số 15C-160.08 cho anh K1 với giá 100 triệu đồng. Tổng số tiền T nhận của anh Kiên là 92.500.000 đồng.

Buổi sáng ngày 25/10/2022, do sợ bị anh K phát hiện nên T bỏ trốn, T có viết một tờ giấy để lại cho anh K với nội dung thừa nhận việc đã cầm cố chiếc xe ô tô cho anh K1. Sau đó, T đi đến tỉnh Bình Dương để xin đi làm công nhân. Anh Khảm nhắn tin cho T về tiếp tục làm việc nhưng T không về.

Ngày 27/10/2022, anh Nguyễn Đức K có đơn trình báo Công an thành phố Bắc Giang về hành vi của T. Đến ngày 03/01/2023, T đến Công an thành phố Bắc Giang đầu thú khai nhận hành vi phạm tội và giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A20S và 01 căn cước công dân mang tên Phạm Văn T.

Tại bản cáo trạng số 84/CT-VKS ngày 19/4/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang đã truy tố bị cáo Phạm Văn T ra trước Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang để xét xử bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà: Bị cáo Phạm Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang vẫn giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 30 tháng đến 36 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 08/6/2023. Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng để nộp ngân sách nhà nước.

- Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Đức K không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên về trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

+ Trả lại cho bị cáo T 01 căn cước công dân mang tên Phạm Văn T.

+ Trả lại bị cáo T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A20S nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả tự do ngay cho bị cáo T nếu bị cáo T không bị tạm giam, tạm giữ về hành vi phạm tội khác.

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Viện kiểm sát và đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng án treo.

Lời nói sau cùng: Bị cáo thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, cảm thấy rất hối hận về hành vi của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo về đoàn tụ cùng gia đình và trở thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Bắc Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang, Kiểm sát viên trong quá trình Điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát và Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Về sự có mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng tới kết quả xét xử do họ đã có lời khai trong hồ sơ nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự để xét xử vắng mặt người liên quan là có căn cứ.

[3] Về tội danh: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Phạm Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình gây ra. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐG ngày 11/01/2023 và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Tháng 10/2021, Phạm Văn T được anh Nguyễn Đức K giao cho chiếc xe ô tô tải biển số 15C-160.08, nhãn hiệu TRUONG GIANG tải trọng 9200kg để phục vụ chở gạch đi giao cho khách, trị giá chiếc xe là 183.000.000đồng. Ngày 23/10/2022, T đã bán chiếc xe ô tô biển số 15C-160.08 cho anh Nguyễn Duy K1 với giá 100.000.000 và không có khả

năng trả lại tài sản. Như vậy có đủ căn cứ kết luận Phạm Văn T phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 BLHS. Việc Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang truy tố bị cáo theo tội danh và Điều luật trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị đường lối giải quyết vụ án tại phiên tòa hôm nay, HĐXX thấy là phù hợp với các quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[4] Về tính chất hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo không những xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây hoang mang lo sợ cho quần chúng nhân dân tại địa phương. Do vậy, cần phải xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Ngoài ra, bị cáo đã tác động tới chị Trần Thị N là vợ của bị cáo khắc phục, bồi thường thiệt hại toàn bộ cho bị hại. Sau khi phạm tội, bị cáo đã tự nguyện ra đầu thú, được bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt và có bố để được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến. Đây là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cần áp dụng cho bị cáo.

Căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, HĐXX thấy trước khi bị cáo phạm tội có nhân thân tốt, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, bị cáo phạm tội lần đầu nên không cần thiết bắt bị cáo phải cách ly khỏi xã hội mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng trở thành người lương thiện.

[7] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính cần áp dụng khoản 5 Điều 175 BLHS phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo 10.000.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Đức K không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên về trách nhiệm dân sự Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

Đối với anh Nguyễn Duy K1 mua chiếc xe ô tô biển kiểm soát 15C-160.08 nhưng không biết là tài sản do T phạm tội mà có; những người được T trả nợ đều không biết là tiền do T phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý.

[9] Về vật chứng của vụ án:

- Trả lại bị cáo T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A20S nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại bị cáo T 01 căn cước công dân mang tên Phạm Văn T.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[11] Trả tự do cho bị cáo Phạm Văn T ngay tại phiên tòa theo quy định tại khoản 4 Điều 328 của Bộ luật tố tụng Hình sự nếu bị cáo T không bị tạm giữ, tạm giam về hành vi phạm tội khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự; Điều 106; khoản 2 Điều 136; khoản 4 Điều 328; Điều 329; Điều 331; Điều 333; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử:

1.1. Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 03(ba) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 08/6/2023). Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện An D, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trả tự do cho bị cáo Phạm Văn T ngay tại phiên tòa nếu bị cáo T không bị tạm giữ, tạm giam về hành vi phạm tội khác.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

1.2. Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Phạm Văn T 10.000.000đồng (Mười triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

2. Về vật chứng:

- Trả lại bị cáo T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A20S nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại bị cáo T 01 căn cước công dân mang tên Phạm Văn T.

3. Về án phí: Bị cáo Phạm Văn T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí Hình sự sơ thẩm

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt biết quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt biết quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

5. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang
- VKSND thành phố Bắc Giang;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS TP Bắc Giang;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bắc Giang;
- Cơ quan THAHS Công an thành phố Bắc Giang;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang
- Bị cáo;
- UBND xã Đại Bản, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng;
- Lưu Hồ sơ vụ án; Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Ân